

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Kim

Ông Đỗ Văn Ngôn.

-Th- ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 58/2018/HSST ngày 13/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69 ngày 12/9/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1998.

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1971; con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2018, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại: Bà Thân Thị T, sinh năm 1953. Có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1-Chị Dương Thị Kiều T, sinh năm 1984. Có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2-Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1978. Có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3-Anh Thân Văn T, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Người làm chứng: Bà Thân Thị Đ, sinh năm 1952. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1998; trú tại: thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang ở cùng với bà nội là bà Thân Thị T, sinh năm 1953 từ nhỏ. Do không có tiền để chi tiêu cá nhân trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến ngày 20 tháng 4 năm 2018, Đ đã hai lần trộm cắp tài sản của bà T sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ một ngày khoảng cuối tháng 01 năm 2018, Đ đang ở nhà tại thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì thấy bà T dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Vision, biển kiểm soát 98B2- 638.70 ở sân. Quan sát thấy xung quanh không có ai, chiếc xe chỉ khóa điện, không khóa cổ, khóa càng nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này đem đi cầm lấy tiền ăn tiêu cá nhân. Để thực hiện ý định, Đ vào trong phòng ngủ của bà T tìm chìa khóa điện của chiếc xe. Khi tìm thấy chìa khóa, Đ đi đến vị trí dựng chiếc xe mở khóa điện, dắt xe ra ngoài nổ máy điều khiển đến nhà anh Thân Văn T, sinh năm 1986 ở thôn P, xã T, huyện V. Tại đây, Đ vay anh T số tiền 6.000.000 đồng và gửi lại xe để làm tin. Vay được tiền Đ sử dụng số tiền này vào mục đích ăn tiêu cá nhân hết. Khoảng một tuần sau, Đ đã đưa cô ruột là chị Dương Thị Kiều T, sinh năm 1984 trú tại xóm G, thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang đến nhà anh T chuộc chiếc xe hết 6.000.000 đồng. Sau đó, chị T đã đem chiếc xe này trả lại cho bà Thân Thị T.

Ngày 20/4/2018, bà Thân Thị T có đơn trình báo về việc bị Nguyễn Hoàng Đ trộm cắp tài sản. Ngày 25/4/2018, bà Thân Thị T đã giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Vision, biển kiểm soát 98B2- 638.70 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện V.

Ngày 26/4/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V tiến hành định giá và kết luận chiếc mô tô Honda-Vision biển kiểm soát 98B2- 638.70 trị giá 28.800.000 đồng.

Trong vụ án này, anh Thân Văn T là người nhận chiếc xe mô tô do Đ đặt lại làm tin nhưng anh Thành không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên anh T không có hành vi vi phạm pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ngày 06/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại bà T chiếc xe nêu trên. Nay bà Thân Thị T và chị Dương Thị Kiều T không yêu cầu bồi thường dân sự.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 20 tháng 4 năm 2018, Đ ngủ dậy và đi đến khu vực điện thờ của gia đình thì nhìn thấy trên chiếc đĩa nhựa màu trắng, hình bầu dục để trên ban thờ có để một số tiền được xếp chồng lên nhau. Thấy bà T không có nhà nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp số tiền này chi tiêu cá nhân. Sau đó, Đ đi đến vị trí ban thờ dùng tay phải lấy toàn bộ số tiền gồm 05 tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng/tờ và 08 tờ tiền Polyme mệnh giá 50.000 đồng/tờ, tổng là 2.900.000 đồng cất giấu vào trong túi quần đang mặc rồi đi bộ ra khỏi nhà. Sau đó, Đ đến gặp chị Tạ Thị H, sinh năm 1966 ở số nhà 788, phố B, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; anh Thân Văn T, sinh năm 1971 ở thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang và chị Trần Thị H, sinh năm 1993 ở số nhà 786, phố B, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ăn tiêu và trả nợ hết số tiền 1.930.000 đồng. Cùng ngày 20/4/2018, Đ đến Công an xã H, huyện V đầu thú và giao nộp số tiền còn lại là 970.000 đồng.

Ngày 26/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện V tiến hành trưng cầu giám định đối với số tiền đã tạm giữ khi Nguyễn Hoàng Đ đầu thú. Tại kết luận giám định số 560 ngày 27/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng số: QT16464776; 09 tờ tiền Polyme mệnh giá 50.000 đồng số: LC14448366, OL11104140, TW16117598, PM17822858, LR16987518, MS14024251, PC14004171, MG14214285, TW16269188, 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng số: RU14033468 gửi giám định là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT- KSVY ngày 13/8/2018 của VKSND huyện V đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173- BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nh- cáo trạng của VKS đã truy tố. Nay bị các thấy đ- ọc tội lỗi của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất của vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố của bản cáo trạng. Đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 – BLHS năm 2015 xử phạt: Nguyễn Hoàng Đ từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/4/2018.

Không áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Đ.

Áp dụng Điều 136 Bộ LTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 để buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự tiến hành tố tụng vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo ở tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của ng- ời bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã đ- ọc thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ tháng 01 năm 2018 đến ngày 20 tháng 4 năm 2018 Nguyễn Hoàng Đ đã hai lần trộm cắp tài sản của bà nội là bà Thân Thị T, cụ thể: Một ngày cuối tháng 01/2018, tại sân nhà bà Thân Thị T, sinh năm 1953 trú tại thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Hoàng Đ có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Honda-Vision biển kiểm soát 98B2- 638.70, trị giá 28.800.000 đồng của bà T; Khoảng 09 giờ ngày 20 tháng 4 năm 2018, Nguyễn Hoàng Đ có hành vi trộm cắp số tiền 2.900.000 đồng của bà Thân Thị T để tại ban thờ của gia đình ở thôn N T, xã

H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Bản cáo trạng số 63/CT-VKSVY ngày 13/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 - BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án thấy: Trong vụ án này chỉ có một mình bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của ng-ời bị hại đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô có trị giá 28.800.000đồng và trộm cắp số tiền 2.900.000đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 31.700.000đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của ng-ời khác đ-ợc pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa ph-ơng, gây hoang mang lo lắng cho ng-ời khác về việc quản lý tài sản. Vì vậy, phải có mức hình phạt tù t-ơng xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: trong vụ án này bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 quy định phạm tội 02 lần trở lên.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, tại Cơ quan điều tra cũng nh- tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã đ-ợc thu hồi trả lại cho ng-ời bị hại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 3.000.000đồng, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đ-ợc quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51- BLHS năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 329 – BLTTHS năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[7] Trong vụ án này, anh Thân Văn T là người nhận chiếc xe mô tô do Nguyễn Hoàng Đ đặt lại làm tin nhưng anh T không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bà Thân Thị T không có yêu cầu gì đối với bị cáo, chị Dương Thị Kiều T đã trả cho anh Thân Văn T số tiền 6.000.000đồng để chuộc xe cho bị cáo, bà Đỗ Thị T là mẹ bị cáo đã bồi thường cho bà T thay cho bị cáo số tiền 3.000.000đồng, nay chị Dương Thị Kiều T, bà Thân Thị T và bà Đỗ Thị T không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án: Ngày 06/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại bà T chiếc mô tô Honda-Vision biển kiểm soát 98B2-638.70. Bà T không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

(1) Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 – Bộ luật hình sự năm 2015.

(2) Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

(3) Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/4/2018.

(4) Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

(5) Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 231, 233, 234 BLTTHS.

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Việt Yên
- THADS huyện Việt Yên.
- Bị cáo, Người bị hại
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Văn Hợp